

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HS-PT

Ngày: 29-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2022/HSPT ngày 25/5/2022 đối với bị cáo Trần Th H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **TRẦN TH H**, sinh năm 1977; Tên gọi khác: T H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 01, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Thảm mỹ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang L (đã chết) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1942; vợ: Bùi Thị H1, sinh năm: 1982 và 03 người con: lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo ông Lê Quang V; sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số 21/2 đường 14A, phường TP, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Trần Th H có một thửa đất diện tích 155m², tọa lạc tại thôn PT, xã PR, huyện PL, tỉnh Bình Phước, được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện PL (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) số AD159737, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 5369/CNTT, ngày 04/8/2005, thửa số 25264.25.226d, tờ bản đồ số 25, tên hộ: Trần Th H (viết tắt: GCN QSDĐ số AD159737). Năm 2013 do có nhu cầu chuyển đổi đất thổ cư của thửa đất nêu trên, H đã làm thủ tục và được UBND huyện BGM cấp sổ mới số BL 191433, vào sổ cấp GCN QSDĐ số CH01259/DS+CNĐ ngày 15/8/2013, đổi thành thửa 226D (viết tắt: GCN QSDĐ số BL 191433).

Thời điểm này H quen biết người tên với Lưu (không rõ nhân thân, lai lịch) làm nghề in ấn và gửi hình GCN QSDĐ số AD159737 cho Lưu làm 01 GCN QSDĐ số AD159737 giả. Tháng 10/2017 H dùng cuốn sổ đỏ giả làm hợp đồng cầm cố với anh Vũ Trường Th để vay tiền cù thẻ:

Ngày 09/10/2017 H vay số tiền 100.000.000 đồng của anh Th tại cửa hàng Thẩm mỹ viện T H, thuộc đường PRĐ, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước. Ngày 24/10/2017 H tiếp tục vay thêm số tiền 50.000.000 đồng của anh Th. Trong các lần vay tiền có Bùi Thị H1 (là vợ của H) cùng ký, thời hạn vay 01 tháng. Khi vay tiền H đã trả lãi cho anh Th 04%/tháng, thời gian từ từ tháng 10/2017 đến tháng 6/2018, tiền gốc chưa trả.

Khoảng tháng 10/2018 H tiếp tục thuê một người (không rõ nhân thân, lai lịch) trên mạng xã hội Zalo làm giả GCN QSDĐ số BL 191433 với giá 1.200.000 đồng. Ngày 20/12/2018 H mang GCN QSDĐ giả thế chấp cho bà Nguyễn Thị Ph vay số tiền 300.000.000 đồng, mức lãi thỏa thuận, thời hạn vay 06 tháng. H đã trả cho bà Ph khoảng 5-6 tháng tiền lãi, gốc chưa trả.

Tháng 03/2019 H bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 14/8/2019 và ngày 31/7/2019 anh Vũ Trường Th và bà Nguyễn Thị Ph làm đơn tố cáo Trần Th H tại Công an thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

Ngày 14/8/2020 Trần Th H đến Công an phường 02, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh đầu thú.

Tại bản kết luận giám định số 22/2019/GĐ-KTHS ngày 06/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình Công an tỉnh Bình Phước giám định giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số AD 159737, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 5369/CNTT do Ủy ban nhân dân huyện PL cấp ngày 04/8/2005 tên người sử dụng đất hộ: Trần Th H, sinh năm 1977, số CMND 280655000 cấp ngày 24/7/1993, thường trú ấp 01, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước. Ở trang 03, góc dưới pH dưới mục “PHÓ CHỦ TỊCH” có hình dấu tròn nội dung “U^B.N.D H PL T. BÌNH PHƯỚC” và chữ ký mang tên Hoàng Xuân Lương (Ký hiệu A1).

Kết luận: Hình dấu tròn nội dung “U.B.N.D H PL T. BÌNH PHƯỚC” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 không pH do con dấu có hình dấu mẫu trên tài liệu ký hiệu M1-M10 đóng ra; ... Chữ ký mang tên Hoàng Xuân Lương trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 là chữ ký giả được tạo ra bằng phương pháp in màu điện tử.

Tại bản kết luận giám định số 47/2019/GĐ-TL ngày 06/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 191433 ký hiệu A là giả.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐX đã thu giữ :

-01 bì thư niêm phong số 046070 bên trong có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 191433, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01259/DS+CNĐ do UBND huyện BGM cấp ngày 15/8/2013 (Giả);

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 159737, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 5369/CNTT do UBND huyện PL cấp ngày 04/8/2005 (Giả).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HSST ngày 12 tháng 4 năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Th H (T H) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

-Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Th H **08 (tám)** năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

-Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Th H **04 (bốn)** năm

tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội danh trên, buộc Trần Th H phải chấp hành hình phạt chung là **12 (mười hai)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/8/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/4/2022, bị cáo Trần Th H làm đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Th H giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Th H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 40/2022/HSST ngày 12 tháng 4 năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

Quan điểm bào chữa của luật sư: Luật sư thống nhất về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo. Tuy nhiên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bị cáo làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình hướng đến mục đích lừa đảo. Ngoài ra Luật sư cho rằng bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, t, v khoản 1 Điều 51 của BLHS và các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 của BLHS giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Th H thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm quyết định. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản tiếp nhận người ra đầu thú, lời khai của bị hại, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác được xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Gia đình bị cáo Trần Th H có một thửa đất diện tích 155m², tọa lạc tại thôn PT, xã PR, huyện PL, tỉnh Bình Phước, được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện PL (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013 do có nhu cầu chuyển đổi đất thổ cư của thửa đất nêu trên, H đã làm thủ tục và được UBND huyện BGM cấp sổ mới số BL 191433, vào sổ cấp GCN QSDĐ số CH01259/DS+CNĐ ngày 15/8/2013, đổi thành thửa 226D (viết tắt: GCN QSDĐ số BL 191433).

Thời điểm này H nhờ Lưu làm 01 GCN QSDĐ số AD159737 giả. Ngày 09/10/2017 H dùng cuốn sổ đỏ giả làm hợp đồng cầm cố với anh Vũ Trường Th để vay số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 24/10/2017 H tiếp tục vay thêm số tiền 50.000.000 đồng của anh Th. Khoảng tháng 10/2018 H tiếp tục thuê một người (không rõ nhân thân, lai lịch) trên mạng xã hội Zalo làm giả GCN QSDĐ số BL 191433 với giá 1.200.000 đồng. Ngày 20/12/2018 H mang GCN QSDĐ giả thế chấp cho bà Nguyễn Thị Ph vay số tiền 300.000.000 đồng, mức lãi thỏa thuận, thời hạn vay 06 tháng.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Th H (T H) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Th H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại cấp sơ thẩm đã nhận định bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; đã khắc phục bồi thường anh Nguyễn Trường Th số tiền chiếm đoạt; các bị hại có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và đại diện bị hại Nguyễn Thị Ngọc H2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm gia đình bị cáo H cung cấp thêm một số tài liệu thể hiện bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại Nguyễn Thị Ngọc H2, mẹ bị

cáo già yếu không có người chăm sóc. Xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ “ đã khắc phục bồi thường thiệt hại” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51. Nhận thấy, gia đình bị cáo có 04 anh, chị em, trách nhiệm chăm sóc cha mẹ là của con cái và như nhau. Việc bị cáo đi chấp hành án phạt tù thì nghĩa vụ chăm sóc mẹ bị cáo thì có anh, chị bị cáo. Do đó các tình tiết trên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo (tổng hợp hai tội là 12 năm tù) là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và đã có xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Do đó kháng cáo của bị cáo Trần Th H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Th H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước về hình phạt đối với bị cáo Trần Th H.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Th H, tên gọi khác: T H, phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Th H **08 (tám)** năm tù về tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*;

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Th H **04 (bốn)** năm tù về tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”*.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội danh trên, buộc bị cáo Trần Th H phải chấp hành hình phạt chung là **12 (mười hai)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/8/2020.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Th H phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND TP ĐX;
- Chi cục THADS TP ĐX;
- CQCSĐT TP ĐX;
- CQTHA HS TP ĐX;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp BP;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Thảo

